

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 58/2012/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Điều chỉnh, bổ sung một số chế độ đối với huấn luyện viên,
vận động viên ngành thể dục thể thao thành phố
trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 149/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao;

Xét đề nghị của Liên Sở Tài chính và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Công văn số 4710/LS-STC-SVHTT&DL ngày 28 tháng 5 năm 2012 về việc điều chỉnh, bổ sung một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập huấn và thi đấu và đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Công văn số 4040/SVHTTDL-TC ngày 08 tháng 8 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay điều chỉnh, bổ sung một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận

động viên ngành thể dục thể thao thành phố trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu theo danh mục kèm theo Quyết định này.

Thời gian áp dụng: kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2012.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký; thay thế Khoản 2 nội dung “Chế độ tiền công trong tập luyện và thi đấu”, Khoản 3.b.II nội dung “Tiền thưởng thành tích các giải quốc tế” của danh mục các chế độ ban hành kèm theo Quyết định số 136/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố về chế độ bồi dưỡng và tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên, trọng tài và lực lượng phục vụ ngành thể dục thể thao thành phố và Khoản 6 nội dung “Chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trong tập luyện và thi đấu” của danh mục các chế độ kèm theo Quyết định số 74/2009/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên, trọng tài và lực lượng phục vụ ngành thể dục thể thao thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hứa Ngọc Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**MỘT SỐ CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI HUẤN LUYỆN VIÊN, VẬN ĐỘNG VIÊN
TRỌNG TÀI VÀ LỰC LƯỢNG PHỤC VỤ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 58/2012/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

I. CHẾ ĐỘ TIỀN CÔNG TRONG TẬP LUYỆN VÀ THI ĐẤU

NỘI DUNG	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Ghi chú
A. Tiền công tập luyện thường xuyên:			
1. Đội dự tuyển thành phố			
- Huấn luyện viên	người/ngày	138.000	
- Vận động viên	người/ngày	92.000	
2. Năng khiếu tập trung			
- Huấn luyện viên	người/ngày	104.000	
- Vận động viên	người/ngày	46.000	
3. Năng khiếu dự bị tập trung			
- Huấn luyện viên	người/ngày	92.000	
- Vận động viên	người/ngày	35.000	
4. Năng khiếu trọng điểm			
- Huấn luyện viên	người/ngày	81.000	
- Vận động viên	người/ngày		
5. Vận động viên khuyết tật	người/ngày	46.000	
B. Tiền công trong thời gian tập huấn, thi đấu:			
1. Tập huấn, thi đấu giải vô địch quốc gia và giải Năng khiếu trẻ quốc gia			
- Huấn luyện viên	người/ngày	138.000	
- Vận động viên	người/ngày	92.000	

09536951

NỘI DUNG	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Ghi chú
2. Tập huấn, thi đấu giải trẻ quốc gia và giải trẻ Năng khiếu trẻ quốc gia			
- Huấn luyện viên	người/ngày	104.000	
- Vận động viên	người/ngày	46.000	

II. CHẾ ĐỘ DINH DƯỠNG ĐỐI VỚI HLV, VĐV TRONG TẬP LUYỆN VÀ THI ĐẤU:

NỘI DUNG	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Ghi chú
A. Tiền dinh dưỡng thường xuyên:			
1. Đội dự tuyển thành phố	người/ngày	173.000	
2. Năng khiếu tập trung	người/ngày	173.000	
3. Năng khiếu dự bị tập trung	người/ngày	138.000	
4. Năng khiếu trọng điểm	người/ngày	104.000	
B. Tiền dinh dưỡng trong thời gian tập huấn:			
1. Tập huấn tham dự giải vô địch quốc gia	người/ngày	173.000	
2. Tập huấn tham dự giải trẻ quốc gia	người/ngày	138.000	
3. Tập huấn tham dự giải năng khiếu trẻ QG	người/ngày	138.000	
C. Tiền dinh dưỡng trong thời gian thi đấu:			
1. Thi đấu giải vô địch quốc gia	người/ngày	230.000	
2. Thi đấu dự giải trẻ quốc gia	người/ngày	173.000	
3. Thi đấu giải trẻ năng khiếu trẻ quốc gia	người/ngày	173.000	

III. GIẢI THƯỞNG THÀNH TÍCH TẠI CÁC GIẢI QUỐC TẾ:

A. PHÂN NHÓM MÔN:

1. **Nhóm 1:** Điền kinh, bơi, cử tạ, taekwondo, vật (hạng cân nhẹ), bắn súng, karatedo, boxing (nữ), cầu lông, bóng bàn.

2. **Nhóm 2:** các môn thể thao còn lại và thể thao người khuyết tật.

B. MỨC CHI:

NỘI DUNG	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Ghi chú
1/ Đại hội Olympic			
- Huy chương vàng	HC/người	184.000.000	phá kỷ lục cộng thêm 69 triệu đồng
- Huy chương bạc	HC/người	92.000.000	
- Huy chương đồng	HC/người	69.000.000	
2/ Đại hội Olympic trẻ			
- Huy chương vàng	HC/người	69.000.000	phá kỷ lục cộng thêm 29 triệu đồng
- Huy chương bạc	HC/người	35.000.000	
- Huy chương đồng	HC/người	29.000.000	
3/ Giải vô địch thế giới hoặc cúp thế giới từng môn			
+ Môn nhóm 1			
- Huy chương vàng	HC/người	98.000.000	phá kỷ lục cộng thêm 64 triệu đồng
- Huy chương bạc	HC/người	52.000.000	
- Huy chương đồng	HC/người	41.000.000	
+ Môn nhóm 2			
- Huy chương vàng	HC/người	69.000.000	phá kỷ lục cộng thêm 35 triệu đồng
- Huy chương bạc	HC/người	41.000.000	
- Huy chương đồng	HC/người	35.000.000	
4/ Đại hội thể thao Châu Á			
- Huy chương vàng	HC/người	81.000.000	phá kỷ lục cộng thêm 29 triệu đồng
- Huy chương bạc	HC/người	41.000.000	
- Huy chương đồng	HC/người	35.000.000	
5/ Đại hội thể thao bãi biển Châu Á, ĐH thể thao võ thuật-trong nhà Châu Á			
- Huy chương vàng	HC/người	58.000.000	phá kỷ lục cộng thêm 23 triệu đồng
- Huy chương bạc	HC/người	29.000.000	
- Huy chương đồng	HC/người	23.000.000	
6/ Giải vô địch Châu Á hoặc cúp Châu Á từng môn			
+ Môn nhóm 1			
- Huy chương vàng	HC/người	69.000.000	phá kỷ lục cộng thêm 29 triệu đồng
- Huy chương bạc	HC/người	35.000.000	
- Huy chương đồng	HC/người	29.000.000	

NỘI DUNG	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Ghi chú
+ Môn nhóm 2			
- Huy chương vàng	HC/người	58.000.000	phá kỷ lục cộng thêm 23 triệu đồng
- Huy chương bạc	HC/người	29.000.000	
- Huy chương đồng	HC/người	23.000.000	
7/ Đại hội thể thao Đông Nam Á			
- Huy chương vàng	HC/người	52.000.000	phá kỷ lục cộng thêm 18 triệu đồng
- Huy chương bạc	HC/người	29.000.000	
- Huy chương đồng	HC/người	23.000.000	
8/ Giải vô địch Đông Nam Á hoặc cúp Đông Nam Á từng môn			
+ Môn nhóm 1			
- Huy chương vàng	HC/người	46.000.000	phá kỷ lục cộng thêm 18 triệu đồng
- Huy chương bạc	HC/người	23.000.000	
- Huy chương đồng	HC/người	18.000.000	
+ Môn nhóm 2			
- Huy chương vàng	HC/người	35.000.000	phá kỷ lục cộng thêm 12 triệu đồng
- Huy chương bạc	HC/người	18.000.000	
- Huy chương đồng	HC/người	12.000.000	
* Thưởng cho các giải thể thao người khuyết tật	Thưởng bằng mức HLV, VĐV bình thường		
* Các giải trẻ:	Thưởng tối đa bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định trên		
* Các giải thể thao dành cho học sinh, sinh viên	Thưởng tối đa bằng 30% mức thưởng tương ứng quy định trên		
* Thưởng cho huấn luyện viên trực tiếp đào tạo	Bằng với mức thưởng VĐV		
* Đối với các môn thể thao tập thể	Mức thưởng của mỗi thành viên bằng với mức thưởng tương ứng cho môn cá nhân		
* Đối với các môn thể thao đồng đội	Mức thưởng của mỗi thành viên bằng 50% mức thưởng tương ứng cho môn cá nhân		